

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN KHỐI 7

TUẦN 18 (từ 03/01/2022 đến 08/01/2022)

Tiết 1: LUYỆN TẬP HÀM SỐ.

I/ Hoạt động 1: HS đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu trong SGK trang 64.

❖ **Bài tập 27/64 sgk**

Hướng dẫn:

Khi nào đại lượng y được gọi là hàm số của đại lượng x ?

Nhận xét về mỗi giá trị của x và giá trị tương ứng của y , từ đó trả lời y có phải là hàm số của x không ?

❖ **Bài tập 29/64 sgk**

Hướng dẫn: thay lần lượt các giá trị rồi tính.

❖ **Bài tập 30/64 sgk**

Hướng dẫn: thay lần lượt các giá trị rồi tính. Rồi trả lời đáp án nào đúng.

❖ **Bài tập 31/65 sgk**

Hướng dẫn: Gọi từng học sinh điền lần lượt vào từng ô trống .

Hướng dẫn thêm : Từ $y = \frac{2}{3}x$

$$x = \frac{3}{2}y$$

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

Học sinh thực hiện các bài tập theo yêu cầu, giáo viên xem xét sửa chữa.

III/ Hoạt động 3: Hướng dẫn bài tập về nhà

+ Các em học kỹ các kiến thức đã học và xem lại các bài tập đã giải.

+ Làm các bài tập: 28/64 (SGK).

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.

Chúc các em học thật giỏi và làm bài thật tốt !

Tiết 2: **MẶT PHẪNG TỌA ĐỘ**

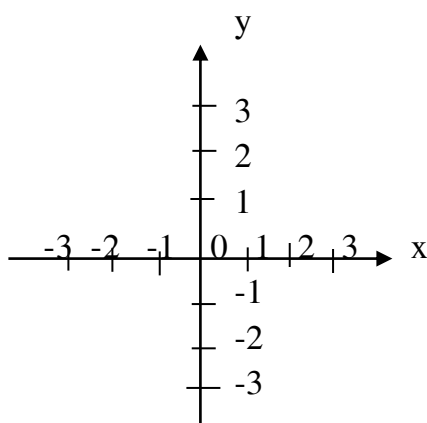
I/ Hoạt động 1:

1) Đặt vấn đề

- Ví dụ: sách giáo khoa

2) Mặt phẳng tọa độ :

- Gồm có:
- Trục Ox nằm ngang gọi là trục hoành
- Trục Oy vuông góc Ox gọi là trục tung
- Giao điểm O của hai trục gọi là gốc tọa độ O biểu diễn số 0 của hai trục



- Hai trục tọa độ chia mặt phẳng làm 4 góc : I, II ,III ,IV .

3) **Toạ độ của một điểm trong mặt phẳng tọa độ:**

- Tọa độ của điểm P là cặp số (a, b) trong đó số : a gọi là hoành độ ; b gọi là tung độ
- Kí hiệu : $P(a, b)$
- Đọc là tọa độ của điểm P là (a, b)
- a gọi là hoành độ
- b gọi là tung độ

- Ví dụ: ? 1 trang 66;

- Cho học sinh biểu diễn cặp số $(2, 3)$; $Q(3, 2)$ lên mặt phẳng tọa độ .

Ví dụ: ? 2 trang 17

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

Học sinh thực hiện các bài tập theo yêu cầu , giáo viên xem xét sử chữa

HS thực hiện ?1/ trang 66

HS thực hiện ?2/ trang 67

III/ Hoạt động 3: Hướng dẫn bài tập về nhà

- Các em xem lại bài đã học.
- Làm bài tập: 32, 33/67 (SGK)

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phân B: Trong bài học	1. 2. 3.

Chúc các em học thật giỏi

Tiết 3:

ĐỒ THỊ CỦA HÀM SỐ $y = a.x$ (a khác)

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu trong SGK từ trang 69 đến 71.

- Ví dụ : ?1 sách giáo khoa trang 69

1). Đồ thị hàm số: $y = ax$ (a khác 0)

- Đồ thị của hàm số $y = f(x)$ là tập hợp tất cả các điểm biểu diễn các cặp giá trị tương ứng (x, y) trên mặt phẳng tọa độ
- Ví dụ : Vẽ đồ thị hàm số $y = f(x)$ đã cho trong ?1 đã ghi phần trên là tập hợp các điểm : A ,B ,C ,D .

2) Đồ thị hàm số $y = ax$ (a khác 0)

- Ví dụ ?2 trang 70 sách giáo khoa .
Ta thay x vào hàm số tính y .
Kẻ đường thẳng qua 2 điểm $(-2, -4)$, $(2, 4)$ rồi quan sát xem các điểm còn lại có nằm trên đường thẳng đó không.

- Ví dụ : ? 4 Sách giáo khoa

Hướng dẫn: cho 1 x bất kì thế vào tìm y ta sẽ được điểm thuộc đồ thị hàm số đã cho.
Xem điểm O có thuộc đồ thị không nếu thuộc thì đường thẳng OA chính là đồ thị của hàm số $y = 0,5x$

Ví dụ 2 :

- Vẽ đồ thị hàm số : $y = -1,5x$
(Học sinh tự thực hành)

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

Học sinh thực hiện các bài tập theo yêu cầu, giáo viên xem xét sửa chữa

III/ Hoạt động 3: Hướng dẫn bài tập về nhà

- Các em xem lại lý thuyết và các bài tập đã giải.

HS thực hiện ?1/ trang 69

HS thực hiện ?2/ trang 70

HS thực hiện ?3/ trang 70

HS thực hiện ?4/ trang 70

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phân B: Trong bài học	1. 2. 3.

Tiết 4: LUYỆN TẬP

(VỀ BA TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU CỦA TAM GIÁC).

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

Bài 43 SGK/125:

Cho $\angle xOy$ khác góc bẹt.

Lấy $A, B \in Ox$ sao cho

$OA < OB$. Lấy $C, D \in Oy$ sao cho $OC=OA, OD=OB$. Gọi E là giao điểm của AD và BC . **CMR:**

- a) $AD=BC$
- b) $\triangle EAB=\triangle ECD$
- c) OE là tia phân giác của $\angle xOy$.

Hướng dẫn:

- a) tìm 2 tam giác chứa 2 cạnh AD và BC

Chứng minh hai tam giác bằng nhau.

- b) Chứng minh $AB = CD$ rồi chứng minh $\triangle EAB=\triangle ECD$

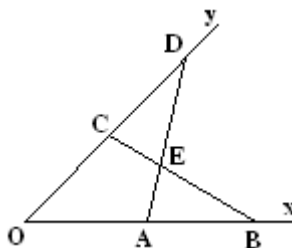
- c) Chứng minh phân giác ta cần chứng minh 2 góc nào bằng nhau.

Chọn 2 tam giác chứa $\angle COE$ và $\angle AOE$ chứng minh bằng nhau

Bài 43 SGK/125:

GT $\angle xOy < 180^\circ$
 $AB \in Ox, CD \in Oy$
 $OA < OB; OC=OA, OD=OB$
 $E = AD \cap BC$

KL a) $AD = BC$
 b) $\triangle EAB = \triangle ECD$
 c) OE là tia phân giác $\angle xOy$.



Bài 44 SGK/125:

Cho $\triangle ABC$ có $B = C$.

Tia phân giác của A cắt BC tại D . **CMR:**

- a) $\triangle ADB = \triangle ADC$
- b) $AB = AC$

Hướng dẫn:

- a) Nêu các yếu tố đề bài đã cho.

Chứng minh thêm yếu tố: $EC = EA$ ($\triangle CED = \triangle AEB$)

- b) Chọn hai tam giác chứa $AB = AC$ chứng minh bằng nhau. Để suy ra $AB = AC$

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

Học sinh thực hiện các bài tập theo yêu cầu, giáo viên xem xét sửa chữa

III/ Hoạt động 3: Hướng dẫn bài tập về nhà

- Các em xem lại lý thuyết và các bài tập đã giải.

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.

Chúc các em học thật giỏi